

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang
2. Ông Trần Quốc Bảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29-9-2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 08-9-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 14-9-2020 đối với bị cáo: Ksor N; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1996, tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng C, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở trước khi phạm tội: Làng N, xã Ia C, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jarai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Siu B (Đã chết) và bà Ksor C (Đã chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Rơ Mah T và có 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án, cụ thể như sau: Ngày 29-9-2015 bị Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 27-7-2018 bị Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xử phạt 20 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến 30-11-2019 chấp hành xong hình phạt, chưa được xoá án tích; Bị bắt tạm giam từ ngày 23-6-2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Ksor N: Ông Lê Đình Q – Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim A; Sinh năm: 1977; Địa chỉ nơi cư trú: Làng C, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Ksor B; Sinh năm 1968; Địa chỉ nơi cư trú: Làng N, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Puih D – Công tác tại Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 30-4-2020, bị cáo Ksor N đi chơi về ngang qua làng C, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai thì phát hiện nhà bà Nguyễn Thị Kim A đi ngủ không khoá cửa đã trèo qua hàng rào đi vào nhà trộm cắp số tiền 496.000 đồng và bỏ trốn thì bị phát hiện.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 07-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Ksor N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định

truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị Ksor N từ 12 - 16 tháng tù, không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho ông Ksor B 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77N1 – 1664 và trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 496.000 đồng là đúng quy định của pháp luật, không ai có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Ksor N nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 10 - 12 tháng tù.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Ksor N công nhận vào khoảng 01 giờ ngày 30-4-2020, bị cáo Ksor N đã vào nhà bà Nguyễn Thị Kim A trộm cắp số tiền 496.000 đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Ksor N đã bị kết án 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Ksor N đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bản thân là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội, sau khi phạm tội bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã nên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội cũng đã thành khẩn khai báo, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo mới được đi học đến lớp 2 nên nhận thức về pháp luật và xã hội hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn do con đang còn nhỏ đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm

nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để áp dụng vì bị cáo phạm tội về chiếm đoạt tài sản, thiệt hại đã xảy ra, bị cáo phạm tội do lỗi cố ý không do hoàn cảnh khách quan.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho ông Ksor B 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77N1 – 1664 và trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 496.000 đồng là đúng quy định của pháp luật, không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ksor N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ksor N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 23-6-2020).

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Ksor N để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Ksor N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- UBND xã C;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Đính